

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **546/2024/HS-PT**

Ngày: 19/11/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phạm Tôn**

Các thẩm phán: ông **Nguyễn Văn Tào**

 ông **Trần Đức Kiên**

- Thư ký phiên tòa: bà **Văn Thị Mỹ Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Quách Hoà Bình**, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 521/2024/TLPT-HS ngày 08 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo **Nguyễn Quốc Q** và các đồng phạm về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”, “Cưỡng đoạt tài sản”, “Bắt, giữ người trái pháp luật”, “Đe dọa giết người”, “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2024/HSST ngày 29/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2024/2024/QĐXXPT-HS ngày 01 tháng 11 năm 2024.

** Các bị cáo có kháng cáo:*

1. Nguyễn Quốc Q (*Tên gọi khác: Độc*); sinh ngày 20 tháng 5 năm 1991 tại Quảng Trị; Nơi cư trú: **Số nhà F P, khối A, thị trấn K, huyện H, tỉnh Quảng Trị**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Nguyễn Quốc N**, sinh năm 1961 và bà **Phùng Thị L**, sinh năm 1965; Vợ: **Nguyễn Thị N1**, sinh năm 1993; Có 01 con, sinh năm 2021.

Tiền án: Không

Tiền sự: 02

- Ngày 05/5/2022, bị **Công an huyện V**, tỉnh Quảng Trị ra Quyết định số 02/QĐ-XPHC, xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Cố ý gây thương tích hoặc*

gây tổn hại cho sức khỏe người khác” số tiền 2.000.000 đồng. Đã nộp phạt ngày 11/5/2022;

- Ngày 19/12/2022, bị Công an Thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị ra Quyết định số 08/QĐ-XPHC, xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác” số tiền 6.500.000 đồng. Đã nộp phạt ngày 21/12/2022;

Nhân thân: 04

- Bản án số 02/2009/HSST ngày 19/01/2009, TAND huyện Hướng Hoá, tỉnh Quảng Trị xử phạt 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Bản án số 22/2013/HSST ngày 28/4/2010, TAND huyện Hướng Hoá, tỉnh Quảng Trị xử phạt 18 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Bản án số 22/2013/HSST ngày 14/5/2013, TAND huyện Hướng Hoá, tỉnh Quảng Trị xử phạt 03 tháng 22 ngày tù, về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Bản án số 26/2015/HSST ngày 24/7/2015, bị TAND huyện Hướng Hoá, tỉnh Quảng Trị xử phạt 24 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 25/8/2023 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Văn S; Sinh ngày 13 tháng 12 năm 1990 tại Quảng Trị; Nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn H, sinh năm 1964 và bà Võ Thị Thu H1, sinh năm 1962; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 19/02/2015, bị Công an huyện C xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi “Cố ý gây thương tích”

Bị cáo bị tạm giữ, bị tạm giam từ ngày 13/02/2023 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt tại phiên tòa.

3. Phạm Công Đ (Tên gọi khác: M) sinh ngày 22 tháng 10 năm 1998 tại Quảng Trị; Nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm T, sinh năm 1962 và bà Lê Thị N2, sinh năm 1966; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, bị tạm giam từ ngày 13/02/2023 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt tại phiên tòa.

4. **Trần Lê Duy T1**; sinh ngày 06 tháng 3 năm 1997 tại Quảng Trị; Nơi ở hiện tại: **Thôn P, xã T, huyện C, tỉnh Quảng Trị**; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Trần Thanh L1** (đã chết); Con bà: **Lê Thị N2**, sinh năm 1965; Vợ: **Trần Thị Mỹ L2**, sinh năm 2000; Con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: 02

- Ngày 17/5/2016, bị **Công an huyện C** xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi “*Kinh doanh hàng hóa ngoại nhập lậu*”;

- Ngày 21/12/2016, bị **Công an T** xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi “*Kinh doanh hàng hóa ngoại nhập lậu*”

Bị cáo bị tạm giữ, bị tạm giam từ ngày 14/02/2023 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam **Công an tỉnh Q**; có mặt tại phiên tòa.

5. **Hoàng Thái M1**; sinh ngày 25 tháng 5 năm 1992, tại: Quảng Trị; Nơi cư trú: **K, thị trấn K, H, Quảng Trị**; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Hoàng T2**, sinh năm 1961 và bà **Dương Thị H2**, sinh năm 1962; Vợ, con: Chưa có.

Tiền sự, tiền án: Không

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 25/8/2023 đến nay tại Trại Tạm giam **Công an tỉnh Q**; có mặt tại phiên tòa.

6. **Đinh Văn T3** (*Tên gọi khác: Cu*); sinh ngày 10 tháng 5 năm 1990, tại Quảng Trị; Nơi cư trú: **K, thị trấn K, H, Quảng Trị**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Đinh Khắc H3**, sinh năm 1964 và bà **Hoàng Thị L3**, sinh năm 1970; Vợ: **Trần Như Ý**, sinh năm 1995; Con: Có 02 người con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2021.

Tiền án: Bản án số 18/2010/HSST ngày 18/6/2010, TAND huyện Hướng Hóa xử phạt 24 tháng tù, về tội “*Cố ý gây thương tích*” Ngày 04/12/2023 nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tiền sự: Ngày 19/12/2022, bị **Công an thành phố Đ**, tỉnh Quảng Trị xử phạt 6.500.000 đồng, về hành vi “*Cố ý gây thương tích*”. Đã nộp phạt ngày 21/12/2023

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 15/11/2023 đến nay tại Nhà tạm giữ **Công an huyện V**, tỉnh Quảng Trị; có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, còn có bị cáo **Nguyễn Phi C** nhưng không kháng cáo.

Những người tham gia tố tụng:

1. Người bào chữa:

- Người bào chữa cho bị cáo **Nguyễn Quốc Q**: Luật sư **Nguyễn Thị Khánh T4** - Văn phòng luật sư **T5** và Cộng sự, **Đoàn luật sư tỉnh Q**; địa chỉ: **E L**, thành phố **Đ**, tỉnh **Quảng Trị**; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo **Lê Văn S**: Luật sư **Trần Đình D** - Văn phòng **L15**, **Đoàn luật sư tỉnh Q**; địa chỉ: **C L**, thành phố **Đ**, tỉnh **Quảng Trị**; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo **Phạm Công Đ**: Luật sư **Nguyễn Đức T6** - Văn phòng **L16**, **Đoàn luật sư tỉnh Q**; địa chỉ: **B H**, thành phố **Đ**, tỉnh **Quảng Trị**; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo **Trần Lê Duy T1**: Luật sư **Bùi Quang S1** - Văn phòng **L17**, **Đoàn luật sư tỉnh Q**; địa chỉ: **B B**, thành phố **Đ**, tỉnh **Quảng Trị**; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo **Hoàng Thái M1**: Luật sư **Nguyễn Đức T6** - Văn phòng **L16**, **Đoàn luật sư tỉnh Q**; địa chỉ: **B H**, thành phố **Đ**, tỉnh **Quảng Trị**; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo **Đinh Văn T3**: Luật sư **Lê Trường H4**; Văn phòng **L18**, **Đoàn luật sư tỉnh N**; địa chỉ: **P**, tòa nhà **Y**, số **I**, đường **N**, phường **Q**, thành phố **V**, tỉnh **Nghệ An**; có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi luận cứ bào chữa cho bị cáo.

- Người bào chữa cho bị cáo **Trần Hoài T7**: Ông **Trần Đại N3** - Trợ giúp viên pháp lý, **Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q**; có mặt.

2. Những người tham gia tố tụng đối với hành vi phạm tội: “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Chị **Lê Thị Tuyết N4**, sinh ngày 14/01/2003; nơi thường trú: **Khôi C**, thị trấn **K**, huyện **H**, tỉnh **Quảng Trị**; nơi ở hiện tại: **A D**, phường **A**, quận **S**, thành phố **Đà Nẵng**; vắng mặt.

- Bà **Lê Thị N2**; nơi cư trú: **thôn P**, xã **T**, huyện **C**, tỉnh **Quảng Trị**; vắng mặt.

- Ngân hàng **TMCP V (V1)**; địa chỉ: **H L**, phường **L**, quận **Đ**, thành phố **Hà Nội**.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đinh Cao C1** - Giám đốc **V1 Chi nhánh Q2**; ông **Trần Tiến L4**, ông **Nguyễn Nhật L5**, ông **Bùi Như L6**, bà **Nguyễn Thị Ngọc T8**; chuyên viên xử lý nợ. Địa chỉ: **Tầng E**, số **C Quốc Lộ I**, phường **A**, thành phố **Đ**, tỉnh **Quảng Trị**; ông **C1**, ông **L4**, bà **T8** và ông **Nguyễn Nhật L5** vắng mặt; ông **Bùi Như L6**, có mặt.

3. Những người tham gia tố tụng đối với hành vi phạm tội: “Bắt giữ người trái pháp luật”.

** Người bị hại:*

- Anh **Cao Xuân T9**, sinh năm 1998; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **thôn X, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị**; nơi cư trú hiện tại: **D H, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng**; vắng mặt.

- Anh **Nguyễn Ngọc C2**, sinh năm 1996; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị**; nơi cư trú hiện tại: **thôn C, xã G, huyện L, tỉnh Thanh Hóa**; vắng mặt.

- Anh **Võ Viết L7**, sinh năm 1998; nơi cư trú: **thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị**; vắng mặt.

** Người làm chứng:*

- Bà **Đỗ Thị Mỹ C3**, sinh năm 1972; nơi cư trú: **thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị**; vắng mặt.

4. Những người tham gia tố tụng đối với hành vi phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Chị **Nguyễn Thị T10** và anh **Nguyễn Trường G**; nơi cư trú: **khu phố T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị**; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông **Bùi Tiến M2** và bà **Phan Thị L8**; nơi cư trú: **G N, khu phố H, phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị**; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Anh **Đặng Trọng N5**; nơi cư trú: **Kiệt A H, phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị**; vắng mặt.

- Anh **Văn Ngọc Hòa H5**; nơi cư trú: **thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị**; vắng mặt.

- Chị **Nguyễn Thị Lam T11**; nơi cư trú: **1 Â, khu phố H, phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị**; vắng mặt.

- Chị **Lê Thị Thùy T12**; nơi cư trú: **khu phố T, phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị**; vắng mặt.

5. Những người tham gia tố tụng đối với hành vi phạm tội: “Đe dọa giết người”.

** Người bị hại:*

- Anh **Thái Văn T13**, sinh năm 1988; nơi cư trú: **khu phố D, thị trấn H, huyện V, tỉnh Quảng Trị**; có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Người làm chứng:*

- Chị **Trần Tố N6**, sinh năm 1986; nơi cư trú: **thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Quảng Trị**; vắng mặt.

- Chị **Đỗ Thị Thu T14**, sinh năm 1988; nơi cư trú: **1 N, khu phố C, thị trấn H, huyện V, tỉnh Quảng Trị**; vắng mặt.

6. Những người tham gia tố tụng đối với hành vi phạm tội: “Cưỡng đoạt tài sản”.

** Người bị hại:*

- Chị **Nguyễn Thị Thanh T15**, sinh năm 1987; nơi cư trú: **thôn A, xã L, huyện H, tỉnh Quảng Trị**; vắng mặt.

** Người làm chứng:*

- Chị **Phan Thị L8**, sinh năm 1980; nơi cư trú: **khu phố D, thị trấn K, huyện H, tỉnh Quảng Trị**; vắng mặt.

- Anh **Nguyễn Hữu L9**, sinh năm 1994; nơi cư trú: **khóm V, thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị**; vắng mặt.

- Anh **Lê Thái Tâm T16**, sinh năm 1992; nơi cư trú: **thôn Q, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị**; vắng mặt.

- Anh **Hồ Chí T17**, sinh năm 1991 nơi cư trú: **khóm A, thị trấn K, huyện H, tỉnh Quảng Trị**; vắng mặt.

7. Những người tham gia tố tụng đối với hành vi phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy, Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

** Người làm chứng:*

- Anh **Trần Thanh Q1**, sinh năm 1994; nơi cư trú: **Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị**; vắng mặt.

- Chị **Nguyễn Thị T18**, sinh năm 1994; nơi cư trú: **Thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị**; vắng mặt.

8. Những người tham gia tố tụng đối với các hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Quốc Q.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Chị **Nguyễn Thị N1**, sinh năm 1993 (vợ của **Nguyễn Quốc Q**); nơi cư trú: **K, thị trấn K, huyện H, tỉnh Quảng Trị**; có mặt.

Đại diện theo uỷ quyền: Luật sư **Nguyễn Thị Khánh T4** - Văn phòng luật sư **T5** và Cộng sự, **Đoàn luật sư tỉnh Q**; địa chỉ: **E L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị**; có mặt.

- Ông **Nguyễn Quốc N**, sinh năm 1961 (bố của **Nguyễn Quốc Q**); nơi cư trú: **K, thị trấn K, huyện H, tỉnh Quảng Trị**; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Đối với hành vi bắt, giữ người trái pháp luật.

Khoảng 23 giờ ngày 16/8/2021, sau khi ăn nhậu cùng nhóm bạn tại khu vực tượng đài xe tăng Làng Vây (xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị) thì Nguyễn Thái T19 (sinh năm 2001; trú tại thôn L, xã T), Cao Xuân T9 (sinh năm 1998; trú tại thôn X, xã T), Nguyễn Ngọc C2 (sinh năm 1996; trú tại thôn L, xã T) và Võ Viết L7 (sinh năm 1998; trú tại thôn L, xã T) rủ nhau đi tìm Nguyễn Quốc Q để đánh Q (do trước đó Q có mâu thuẫn trong việc cầm xe với T19 và mâu thuẫn với em trai của T9). Thời điểm đó thì chỉ có Tem biết mặt và địa chỉ nhà Q. Cả nhóm thống nhất sẽ đến nhà Q, giả vờ gọi Q ra cầm cố xe máy, khi Q ra thì đánh Q. Khoảng 0 giờ 30 phút ngày 17/8/2021, T19 điều khiển xe mô tô chở C2, L7 điều khiển xe mô tô chở T9 đi đến nhà Q. Khi đến, T19 và C2 dừng xe trước cổng nhà, L7 và T9 dừng xe cách cổng một đoạn để tránh bị phát hiện. Khi thấy trong nhà có điện sáng và tiếng nhạc nên T19 và C2 gọi Q nhiều lần nhưng không thấy ai mở cửa. Tiếp đó, C2 và T9 nhặt đá trên đường rồi ném nhiều lần lên tầng 2 nhà Q làm vỡ kính. Sau đó, cả nhóm ra về.

Sáng ngày 17/8/2021, Q đăng video những người đã ném đá nhà Q lên facebook và hỏi dò thì biết được một số thông tin của những người này. Q sử dụng ứng dụng messenger gọi Hoàng Thái M1 và Nguyễn Phi C để rủ M1 và C cùng đi tìm, đánh những người đã ném đá vào nhà Q. M1 và C đồng ý.

Khoảng 9 giờ ngày 17/8/2021, Q điều khiển xe ô tô 74A-120.32 chở M1, C đi tìm những người ném đá vào nhà mình. Khi Q, M1 và C đến nhà T19, nhưng do không có T19 ở nhà, nên đến nhà của L7. Khi đến, Q dừng xe ô tô trước cổng nhà L7 rồi cùng C, M1 đi vào nhà thì gặp bà Đỗ Thị Mỹ C3 (sinh năm 1972, trú tại thôn L, xã T - là mẹ của L7) đang ở sân. Q tự xưng là lực lượng Công an đến đưa L7 về Cơ quan Công an để làm rõ vụ việc ném đá vào nhà người khác vào tối hôm trước rồi đi thẳng vào trong nhà. L7 lúc đó đang chơi game ở trong phòng ngủ, khi nghe thấy tiếng bà C3 gọi và nói là có Công an đến mời làm việc liên quan đến vụ ném đá thì L7 đi ra và gặp Q, C, M1. Tuy nhiên, thời điểm này L7 không biết Q, C, M1 là ai, nên tin rằng những người này là Công an đến mời L7 về làm việc nên đi theo. Khi ra xe ô tô, Q lên ngồi ở ghế lái để điều khiển xe, C ngồi bên ghế phụ phía trước, M1 và L7 ngồi ở hàng ghế sau. M1 hỏi L7 “*mi biết tối qua mi ném đá vô nhà ai không?*” thì L7 trả lời “*nhà anh Q*”. Lúc đó, Q quay mặt lại nói với L7 “*tau Q đây*” thì L7 mới biết ba người trên xe không phải là Công an mà là Q và nhóm của Q. Do biết Q là giang hồ cộm cán ở H, nên L7 sợ, không dám phản kháng, không dám yêu cầu dừng xe để xuống xe.

Q hỏi L7 về những người đã ném đá vào nhà Q tối qua thì L7 nói có T19, T9 và C2. Nhóm của Q yêu cầu L7 chỉ đường đến nhà của T9 và C2 thì L7 trả lời C2 đã đi làm không có ở nhà, nên nhóm của Q yêu cầu L7 chỉ đường đến nhà T9. Khi đến nhà T9, Q tắt máy khóa xe rồi cùng C, M1 xuống xe và đi vào trong nhà T9. L7 ngồi trong xe mở khóa cửa xe nhưng không mở được, nhìn qua cửa kính vào phía trong nhà T9 thì thấy sau lưng Q có dắt một gậy ba khúc bằng sắt. Khi vào nhà, Q chửi và gọi T9 ra. Lúc này, mẹ T9 là bà Đỗ Thị H6 (sinh năm 1974, trú tại thôn X, xã T) đi ra gặp Q. Q mở điện thoại đưa cho bà H6 xem video nhóm T9 ném đá nhà Q. T9 đi ra thấy Q thì có hỏi em trai mình là Cao Xuân T20 (sinh năm 2004, trú tại thôn X, xã T) có phải Q không, thì T20 xác nhận đó là Q. Q yêu cầu T9 đi cùng để giải quyết vụ việc ném đá tối qua. Do sợ nên T9 đi theo Q, M1, C ra xe. Q mở khóa cửa xe, M1 mở cửa xe ô tô phía sau (phía bên ghế phụ) và đẩy T9 lên ngồi cạnh L7 rồi lên ngồi ngoài cùng, C ngồi ghế phụ còn Q điều khiển xe ô tô. Khi đi được một đoạn thì M1 dùng tay đánh vào mặt T9 và L7. Q, M1, C cũng chửi và đe dọa T9, L7. Tiếp đó, nhóm của Q yêu cầu T9, L7 điện thoại cho C2. Khi T9 gọi điện thoại được cho C2 thì nhóm của Q yêu cầu C2 ra đứng trước cổng Ủy ban nhân dân xã T đợi để đi giải quyết việc ném đá hôm trước. Trên đường đi, Q sử dụng điện thoại di động để phát trực tiếp (*live stream Facebook*) diễn biến, sự việc diễn ra trong xe ô tô lên tài khoản Facebook “Nguyễn Quân” của mình. Khi đến cổng Ủy ban nhân dân xã T, Q dừng xe sát vị trí C2 đang đứng và nói với M1: “đ.m bốc lên xe ngồi”. M1 mở cửa sau bên phụ rồi xuống xe ngay sát vị trí C2 đứng. Q nói “đừng đập, đừng đập, đừng đập đưa vô đó đã”. M1 đẩy C2 lên xe ngồi ở ghế sau rồi đóng cửa lại. Q điều khiển xe ô tô chạy về nhà của mình. Vừa điều khiển xe, Q vừa nói “đ.m bây trước khi làm nhà tau bây không biết tau à”, sau đó chỉ tay vào C2 và nói “mi ném đá nhiều nhất vô nhà tau mi biết tau là ai không, đ.m mi”. Khi Q vừa dứt lời thì M1 dùng tay đánh vào mặt C2 và nói “mi ném à”. Tiếp đó, Q gọi điện thoại cho ai đó và nói “bọn anh bắt được ba thằng rồi, còn một thằng nữa đang cho mấy thằng đi”. Trên đường về nhà Q, Q, M1 và C liên tục chửi bới, đe dọa L7, C2 và T9.

Khoảng 10 giờ 20 phút cùng ngày, khi về đến nhà Q, nhóm của Q đưa L7, C2 và T9 vào trong sân nhà và bắt xếp thành hàng ngang. Lúc này, Q vẫn dùng điện thoại của mình phát trực tiếp diễn biến sự việc. Sau khi tiếp tục chửi bới, đe dọa thì Q, M1, C lao vào dùng tay, chân đấm, đá vào đầu, bụng của C2. Một lúc sau, Q yêu cầu L7, T9, C2 ngồi xuống bậc tam cấp trước hiên nhà để M1 trông coi còn Q điều khiển xe mô tô SH của mình chở C đi tìm Nguyễn Thái T19 nhưng không tìm thấy nên quay về nhà Q. Trong quá trình từ khi bị Q, C và M1 đưa lên xe ô tô 74A-120.32 đến khi về nhà Q, trước những lời nói, hành vi đe dọa, đánh

đập của Q, M1 và C thì L7, T9 và C2 đều sợ hãi, không có bất kỳ sự phản kháng nào.

Trong quá trình Q phát video trên tài khoản facebook “Nguyễn Q” (được thể hiện trong 02 đoạn video có tên “7647251178836046875.mp4” và “2941751890730915120.mp4”), Q đã có nhiều lời nói đe dọa, chửi bới như: “nhà bây về làm việc với tau luôn nà, đ.m cả ba nhà bây về, thằng T19 nữa về, đ.m tau giết luôn”; “bắt, mới bắt được hai, ba thằng ở trên Tân Long chị ơi”; “tí đ.m tau xử lý tau cho bay coi, đ.m bay không đẹp tau không lấy tiền luôn”; “alo, sắp xong rồi, bọn anh bắt 03 thằng rồi, còn 01 thằng nữa, đang cho mấy thằng đi tìm nơi rồi”; “chừ tụi bây ưng ngang Khe Sanh hay về dưới Đông Hà làm việc dưới luôn”; “nghe không, đ.m, về xử mấy thằng ni nì”; “coi cái kết, cái kết đập sưng lắm”; “đ.m bay Công an tìm có bằng tau tìm mô mà, đ.m tau tìm nhanh lắm”; “đ.m mi thằng em mi hôm trước tau bắt đi lần rồi đó”; “diên mà Công an, đ.m thời buổi ni Công an làm chi, anh xử sưng hơn à”; “đ.m mới bắt ba thằng, còn đ.m 1 thằng nữa”; “Diên à, tôi cần chi Công an”....

Khoảng 11 giờ cùng ngày, nhận được tin báo, Công an thị trấn K đã cử 02 cán bộ đến nhà Q để làm việc. Khi đến, sau khi kiểm tra hiện trường, cán bộ Công an đã yêu cầu Q đưa L7, T9, C2 cùng về trụ sở Công an thị trấn K để làm việc.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

2. Đối với hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Từ tháng 4/2023, Nguyễn Quốc Q nói với Lê Thị L10 (là bạn học của Q) nếu ai có nhu cầu vay tiền thì giới thiệu và Q sẽ trích hoa hồng. Sau khi có người vay, L10 trực tiếp thỏa thuận rồi liên lạc với Q để trao đổi về thông tin lai lịch người vay, số tiền, thời gian, lãi suất vay. Sau đó, Q nói cho L10 biết về số tiền lãi, cách thức lấy tiền lãi, cung cấp số tài khoản ngân hàng để nhận tiền vay. Q sử dụng các tài khoản ngân hàng của mình hoặc tài khoản 0911223010 (MB) của Phùng Gia H7 để giao dịch cho vay. Khi chuyển tiền cho người vay thì Q trừ tiền lãi trước vào tiền gốc và yêu cầu người vay tiền phải viết giấy biên nhận tiền hoặc hợp đồng vay tiền thì mới cho vay. Giấy biên nhận tiền, hợp đồng cho vay Q đã chuẩn bị mẫu sẵn đưa trước cho L10 hoặc Q nhờ Nguyễn Thanh T21 (sinh năm 1995, trú tại khu phố I, phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị) đưa Giấy biên nhận tới cho L10 để L10 đưa cho người vay viết, sau đó L10 đưa lại cho T21 và T21 cất giữ giữ Q. Khi đến thời hạn trả, L10 liên lạc rồi yêu cầu người vay trả tiền chuyển trực tiếp cho Q hoặc tài khoản L10. Để đảm bảo việc trả tiền của người vay, Q giữ lại một số loại giấy tờ của người vay như: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, giấy khai sinh, bằng lái xe, hoặc các loại giấy tờ khác. Đến tháng 8/2023, Q cho 06 người vay, mức lãi suất

cho vay từ 100.594%/năm đến 114,975%/năm, cao hơn gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Cụ thể:

1. Chị **Nguyễn Thị T10** và anh **Nguyễn Trường G** (trú tại **T, Đ, Đ, Quảng Trị**).

Lần 1: Ngày 10/4/2023, vay 1,1 tỷ đồng, thời gian vay 30 ngày, tiền lãi là 66 triệu đồng. **Q** trừ lãi trước và chỉ chuyển cho chị **T10** 1.034.000.000 đồng. Ngày 11/4/2023, chị **T10** đã trả lại 700 triệu đồng tiền gốc, đến ngày 06/6/2023 chị **T10** đã trả đủ tiền gốc cho **Q**. Sau khi trừ lãi suất theo quy định 20%/năm (lãi hợp pháp) là 12.712.329 đồng, **Q** thu lợi bất chính 53.287.671 đồng.

Lần 2: Ngày 24/4/2023, vay 300 triệu đồng, thời hạn vay 07 ngày, tiền lãi là 293.700.000 đồng. Số tiền lãi hợp pháp là 1.150.685 đồng, **Q** thu lợi bất chính 5.149.315 đồng

Lần 3: Ngày 23/5/2023, vay 01 tỷ đồng, thời hạn vay 10 ngày, tiền lãi là 31.500.000 đồng. Số tiền lãi hợp pháp là 5.479.452 đồng, **Q** thu lợi bất chính 26.020.548 đồng.

Lần 4: Ngày 31/5/2023, vay 1,3 tỷ đồng, thời gian vay 11 ngày, tiền lãi là 42.900.000 đồng. Số tiền lãi hợp pháp là 7.835.616 đồng, **Q** thu lợi bất chính là 35.064.384 đồng.

Lần 5: Ngày 07/6/2023, vay 500 triệu đồng, thời gian vay là 20 ngày, tiền lãi là 30.000.000 đồng. Số tiền lãi hợp pháp là 5.479.452 đồng, **Q** thu lợi bất chính là 24.520.548 đồng.

Lần 6: Ngày 09/6/2023, vay 1,3 tỷ đồng, thời hạn vay 10 ngày, tiền lãi là 39.000.000 đồng. Sau khi trừ lãi hợp pháp là 7.123.288 đồng, **Q** thu lợi bất chính là 31.876.712 đồng

Lần 7: Ngày 20/6/2023, vay 1,3 tỷ đồng, thời hạn vay 20 ngày, tiền lãi là 78.000.000 đồng. Số tiền lãi hợp pháp là 14.246.575 đồng, **Q** thu lợi bất chính là 63.753.425 đồng

Lần 8: Ngày 27/6/2023, vay 570 triệu đồng, thời hạn vay 30 ngày, tiền lãi là 51.300.000 đồng. Số tiền lãi hợp pháp là 9.369.863 đồng, **Q** thu lợi bất chính là 41.930.137 đồng. Khoản lãi 11.000.000 đồng phát sinh với thời hạn vay 07 ngày. Số tiền lãi hợp pháp là 2.186.301 đồng, **Q** thu lợi bất chính là 8.813.699 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 50.743.836 đồng

Lần 9: Ngày 03/7/2023, vay 1,7 tỷ đồng, thời gian vay 30 ngày, tiền lãi là 153.000.000 đồng. Số tiền lãi hợp pháp là 27.945.205 đồng. **Q** thu lợi bất chính là 125.054.795 đồng

Lần 10: Ngày 11/7/2023, vay 1,3 tỷ đồng, thời hạn vay 30 ngày, tiền lãi là 117.000.000 đồng. Số tiền lãi hợp pháp là 21.369.863 đồng, Q thu lợi bất chính là 95.630.137 đồng

Lần 11: Ngày 03/8/2023, vay 02 tỷ đồng, thời hạn vay 30 ngày, tiền lãi là 180.000.000 đồng. Số tiền lãi hợp pháp là 32.876.712 đồng, Q thu lợi bất chính là 147.123.288 đồng. Hiện tại Chị T10 còn nợ tiền gốc của Q

Lần 12: Ngày 09/8/2023, vay 1,5 tỷ đồng, với thời hạn vay 30 ngày, tiền lãi là 135.000.000 đồng. Số tiền lãi hợp pháp là 24.657.534 đồng, Q thu lợi bất chính là 110.342.466 đồng. Hiện tại Chị T10 còn nợ tiền gốc của Q

2. Ông **Bùi Tiến M2** và bà **Phan Thị L8** (trú tại **số G N, khu phố H, phường E, Đ, Quảng Trị**): Ngày 28/4/2023, vay 200 triệu đồng, thời gian vay 44 ngày, tiền lãi là 26.400.000 đồng. Số tiền lãi hợp pháp là 4.821.918 đồng, Q thu lợi bất chính là 21.578.082 đồng.

3. Anh **Đặng Trọng N5** (trú tại **phường E, Đ, Quảng Trị**)

Lần 1: Ngày 17/5/2023, vay 300 triệu đồng, thời gian 32 ngày, tiền lãi là 27.000.000 đồng. Số tiền lãi hợp pháp là 5.260.274 đồng, Q thu lợi bất chính là 21.739.726 đồng.

Lần 2: Ngày 17/6/2023, vay 300.000.000 đồng, thời gian 31 ngày, tiền lãi là 27.000.000 đồng. Số tiền lãi hợp pháp là 5.095.890 đồng, Q thu lợi bất chính là 21.904.110 đồng.

4. Anh **Văn Ngọc Hòa H5** (trú tại **H, H, Quảng Trị**): Ngày 17/5/2023, vay 100 triệu đồng, thời gian 20 ngày, tiền lãi là 6.000.000 đồng. Số tiền lãi hợp pháp là 1.095.890 đồng, Q thu lợi bất chính là 4.904.110 đồng.

5. Chị **Nguyễn Lam T11** (trú tại **khu phố H, phường E, Đ, Quảng Trị**): Ngày 27/6/2023, vay 300.000.000 đồng, thời gian 30 ngày, tiền lãi là 27.000.000 đồng. Số tiền lãi hợp pháp là 4.931.507 đồng, Q thu lợi bất chính là 22.068.493 đồng. Hiện tại chị T11 còn nợ tiền gốc của Q

6. Chị **Lê Thị Thùy T12** (trú tại **khu phố T, phường A, Đ, Quảng Trị**): Ngày 03/7/2023, vay 50.000.000 đồng, thời gian 40 ngày, tiền lãi là 6.000.000 đồng. Số tiền lãi hợp pháp là 1.095.890 đồng. Q thu lợi bất chính là 4.904.110 đồng. Hiện tại chị T12 còn nợ tiền gốc của Q.

Về trách nhiệm dân sự: Chị **Nguyễn Thị T10** yêu cầu hoàn trả lại số tiền đã thu lợi bất chính và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo; những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác không yêu cầu hoàn trả lại số tiền thu lợi bất chính. Bị cáo **Lê Thị L10** đã tự nguyện giao nộp số tiền 15.000.000 đồng để khắc phục hậu quả.

3. Đối với hành vi đe dọa giết người.

Nguyễn Quốc Q nghe Nguyễn Văn M3 - sinh năm 2000 (trú tại thôn T, xã H, huyện G, tỉnh Quảng Trị - là người có quen biết với Q) nói về việc anh Thái Văn T13 - sinh năm 1988 (trú tại thị trấn H, huyện V, tỉnh Quảng Trị- Cán bộ Công an huyện V) và anh K (Cán bộ Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy) có hỏi dò thông tin về Q thông qua M3. Q cho rằng, anh T13 và anh K muốn dò hỏi thông tin về việc làm ăn của mình nên nảy ý định dọa giết anh T13 và người nhà anh T13 nhằm mục đích làm anh T13 sợ mà từ bỏ ý định dò hỏi, can thiệp vào việc làm ăn của Q.

Vào lúc 13 giờ 06 phút ngày 08/6/2023, Q dùng máy điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, gắn sim điện thoại có số thuê bao 0878513411 gọi đến số thuê bao 0919744234 của anh T13 nói với nội dung “*mấy ngày ni dò hỏi thông tin chi rứa. Tau Q đây, Quân Khe S2, bây muốn biết thông tin chi tau thì tau gặp cho. Mi với thằng K ưng gặp mấy thằng nớ để nói chuyện chi đó? Bây ở mô để tau gặp cho, bây ưng gặp bây cài C đồ chi bây ở mô tau gặp cho, bây ưng cài mô tau cài chỗ nấy. Tau nói cho tui bây nghe con cái tui bây đéo biết chết ngày mô mô, đ.m bây tau giết cả nhà bây chơ bây không biết tau à. Đm tin nhắn của tui bay hẳn chụp gửi cho tau đây này. Đm tui bay, bay ưng điều tra con c, thằng cha tui bây tau giết cả nhà tui bây luôn. Bây biết thì nói không thì bây ngậm cái mỏ của bây lại nghe. Đ.m bây lên không biết súng nổ nhà bây ngày mô mô. Tau là Quân K1 sanh đây, mẹ tui bây. Tau nói cho bây nghe con cái bây đi học bây liệu đi đó mà làm, đ.m tau cho chết ngày mô chưa biết mô. Đm tui bây tin nhắn tau đm lưu lại đây, đ.m bây Công an nghiệp vụ l chi tui bay, đm tau cho chết ngày mô không biết. Bây nên nhớ tau nói cho tui bây nghe, tui bây đm thân phận thấp hèn, đm tau giết ngày mô không biết mô, tau nói cho tui bây nghe tui bây biết, tin nhắn của tui bây còn đây, tau gửi về dưới phòng cho làm việc với tui bây sau. Đm bây tau làm chi tui bây biết thì nói còn không biết thì ngậm mỏ bây lại đi, đm mi còn con cái mi đi học nơi trường nữa nghe chưa, đm mi tau nhắc cho bây biết. Hôm ni tau dùng số rác tau gọi cho tui bây, còn sau ni bây không biết bây đm xảy ra sự việc như răng mô. Tin nhắn đây tí tau gửi cho bây coi, còn lại đm tui bây tau không phải dạng vừa mô cho tui bây đi hỏi dềch dềch mô, còn hôm ni thằng K lên đây đm làm việc bây hỏi như răng, như răng. Đm mi tau cho bây biết. Tau không phải dạng vừa mô, đm bây tui bây đi hỏi dò hỏi dò cái thằng cha bây chơ hỏi dò”. Khi điện thoại thì Q mở loa ngoài và dùng một điện thoại khác để quay lại cuộc gọi điện thoại này.*

Anh T13 biết Q là đối tượng hình sự (vì trước đó anh T13 đã từng tiếp xúc với Q), có nhiều tiền án và hiện nay đang tập hợp nhiều đối tượng có nhân thân xấu để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật cũng như thường hay đe dọa những người cản trở việc làm ăn của Q, vợ của Q quê ở huyện V và Q hay về quê vợ,

nên sau khi nhận được điện thoại đe dọa của Q, anh T13 lo sợ việc Q sẽ thực hiện theo lời đe dọa và sẽ xâm phạm đến tính mạng của mình cũng như của con gái mình là cháu Thái Khả D1 (07 tuổi). Sau khi bị Q đe dọa, anh T13 và vợ rất lo sợ nên đã trực tiếp tự mình đưa đón con đi học chứ không nhờ bố mẹ vợ như trước đây (vợ anh T13 thường đi làm xa), dặn dò cô giáo dạy cháu D1 về việc nhờ cô giáo quản lý cháu đợi đến lúc anh T13 đón chứ không cho người lạ đón cháu. Trong thời gian cháu D1 không đi học thêm thì anh T13 phải gửi cháu D1 vào nhà chị gái của vợ là chị Trần Tố N6 (Trú tại thôn N, xã T, huyện V) để nhờ chị chăm sóc cháu chứ không để cháu ở nhà. Để bảo đảm an toàn ở nhà mình, anh T13 đã di chuyển 01 camera lắp đặt ở trong nhà đưa ra ở sát cổng và sân nhà để giám sát phía trước nhà mình. Bản thân anh T13 cũng như người thân của anh T13 luôn cảm thấy hoang mang, lo sợ và tâm trạng bất an, ảnh hưởng đến cuộc sống cũng như công việc của anh T13.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại anh Thái Văn T13 yêu cầu bồi thường số tiền 180.000.000 đồng; tại đơn xin xét xử vắng mặt, bị hại anh Thái Văn T13 rút đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại về dân sự.

4. Đối với hành vi cưỡng đoạt tài sản.

Năm 2022, bà Nguyễn Thị Thanh T15, sinh năm 1987 (trú tại thôn A, xã L, huyện H) có vay của bà Phan Thị L8, sinh năm 1980 (trú tại khối D, thị trấn K, huyện H) số tiền 300 triệu đồng. Do bà T15 chưa trả được tiền lãi và tiền gốc, nên tháng 8/2023, bà L8 đã liên lạc với Nguyễn Quốc Q để nhờ Q đòi giúp số tiền trên. Theo thỏa thuận với bà L8, Q được hưởng số tiền 40% trong tổng số tiền mà Q đòi được. Q nhận lời và đề nghị bà L8 cung cấp các giấy tờ vay nợ liên quan. Sau đó, Q sử dụng số điện thoại 0818899602 của mình để nhắn tin vào số máy điện thoại của bà T15 yêu cầu bà T15 trả tiền nợ trên. Do bà T15 không trả tiền theo yêu cầu, nên Q nhiều lần điện thoại và nhắn tin cho bà T15 với nội dung “*Mi đừng để t đưa 2 đứa con của mi đi nghe chưa L11 j lm đừng để con cái chịu hậu quả. Mi về nhà chưa T22 đứng chờ mi nơi nhà đây. Con mi về nhà học tau cũng dí cho chết. Mi biết tau là ai chưa. Đơn chuẩn bị lên nì t cho ck bay bay màu*”. Sau đó, Q tiếp tục dùng tài khoản zalo “Nguyễn T23” của mình gửi vào zalo của bà T15 02 hình ảnh bàn tay cầm khẩu súng (hình này Q khai tải trên mạng internet), 01 hình ảnh 03 khẩu súng ngắn đặt trên bàn ở dưới có chữ “*Đẹp k sắp mới tắm rửa xong. Bắn luôn. Vài hôm nữa đi tập bắn*” để đe dọa.

Sáng ngày 20/8/2023, Nguyễn Hữu L9, sinh năm 1994 (trú tại khóm V, thị trấn L, huyện H) điện thoại rủ Q, Q điện thoại rủ thêm Đinh Văn T3 đến uống cà phê tại quán của anh D tại thị trấn K. Tại đây, Q nhắc lại việc được bà L8 nhờ đòi tiền giúp nên đã điện thoại và yêu cầu bà L8 đưa giấy tờ có liên quan đến quán cà phê cho Q. Bà L8 đến quán cà phê đưa giấy tờ cho Q rồi ra về. Khi bà L8 đưa

giấy mượn tiền của bà T15 viết đến giao cho Q thì Q bảo T3 chụp ảnh những tờ giấy nợ này và hình ảnh của bà T15 rồi chuyển cho anh Lê Thái Tâm T16, sinh năm 1992 (là chủ quán I tại thôn Q, xã T, huyện H) để nhờ in giấy đòi tiền. T3 thực hiện theo chỉ đạo của Q, chụp và gửi hình ảnh bà T15, giấy nợ tiền kèm dòng chữ “VỀ TRẢ NỢ KHÔNG CHẾT CẢ NHÀ” cho anh T16, yêu cầu anh T16 in ra trên mặt tờ giấy A4 (in màu đề can có dán keo phía sau). Sau đó, T3 điện thoại cho Hoàng Thái M1, M1 điện cho Trần Hoài T7 đến cùng uống cà phê. Khi đến, theo chỉ đạo của Q, T7 đến quán của anh T16 lấy giấy đề can mà T3 gửi in trước đó về đưa cho Q. Khi T7 đi thì M1 cũng rời quán cà phê để về quán C4 ở gần đó. Lúc này, có Hồ Chí T17 - sinh năm 1991 (trú tại khối A, thị trấn K, huyện H) đến quán rồi cùng ngồi uống cà phê. Đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, Q gọi T3 quay lại quán để đi cùng Q lên xã L lấy tiền. T3 quay lại quán cà phê thì Q nói T3 gọi điện gọi M1 đến để đi. T7 đến quán L19 đợi anh T16 in các giấy đề can có nội dung đòi nợ gồm: Giấy mượn tiền mang tên Nguyễn Thị Thanh T15, ảnh bà T15 kèm dòng chữ “VỀ TRẢ NỢ KHÔNG CHẾT CẢ NHÀ” rồi quay về lại quán cà phê.

Khi thấy T7 mang giấy đòi nợ về, Q bảo cả nhóm đi cùng Q đi đòi nợ. Khi đi, Q điều khiển xe ô tô 74A-222.22 của mình đến đón bà L8 với mục đích để bà L8 chỉ nhà của bà T15, T3 điều khiển xe ô tô 74C-119.93 của mình chờ T17, T7, L9 và M1. Các tờ giấy đòi nợ được T7 cầm theo mang lên và để vào trong ngăn để đồ sau ghế ngồi của ghế tài xế. Do chưa xác định được nhà của bà T15 nên khi vào đến xã L, T3 bảo M1 xuống hỏi nhà bà T15. M1 xuống hỏi nhà bà T15 và khi biết nhà bà T15 thì M1 đi bộ đến trước cổng nhà, còn T3 và Q điều khiển xe đi theo. Đến trước cổng nhà của bà T15, T3 và Q dừng xe. T7 mang theo xấp giấy đề can xuống xe rồi đưa một tập cho M1, sau đó T7 và M1 dán những tờ giấy này vào cổng và tường rào của nhà bà T15. Trong lúc T7 và M1 dán giấy đòi nợ vào cổng nhà bà T15 thì Q dùng máy điện thoại của mình quay video clip rồi đăng tải lên mạng xã hội Zalo, Facebook. Sau khi dán tờ rơi ở nhà bà T15, T7 và M1 lên lại xe ô tô, Q bảo T3 điều khiển xe đi đến nhà mẹ chồng của bà T15 là bà Trần Thị L12 (ở gần nhà bà T15). Khi đến, Q và những người trên xuống xe. Q gặp bà L12 và có lời nói chửi bới, đe dọa như “*Nợ thì phải trả, những ai liên quan đến dòng họ tau đập hết...*”. Bà L12 và Q chửi bới và thách thức nhau. Trong khi Q và bà L12 chửi nhau thì M1, T3, T7, L9, T17 đứng gần đó nhưng không có lời nói, hành động gì. Bà L8 thì ngồi trên xe của Q. Khoảng 30 phút sau thì cả nhóm của Q đi về.

Chiều cùng ngày, Q sử dụng Z “Nguyễn Tuấn” của mình gửi video clip cảnh M1 và T7 dán giấy đòi nợ vào nhà bà T15, nhắn tiếp vào Zalo của bà T15 với nội dung “*Sắp chết cả gia đình r à. Con chó*”, bên dưới có hình ảnh bà T15. Q tiếp

tục nhắn vào Zalo của bà T15 với nội dung “có nghĩ đến hậu quả ck giáng chức chưa”. Nhiều ngày sau đó, Q vẫn tiếp tục nhắn tin đe dọa bà T15 để buộc bà T15 về đưa tiền cho Q.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 300 triệu đồng. Các bị cáo không đồng ý và chỉ chấp nhận bồi thường theo quy định của pháp luật khi Tòa án xét xử.

5. Đối với hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Cuối tháng 7/2023, tại khu vực cổng B (xã T, huyện H), Nguyễn Phi C mua ma túy của một người lạ mặt với số tiền 18.600.000 đồng. Sau khi nhận 02 túi nilon đựng ma túy, C đem về nhà cất giấu trong nhà kho của mình. Đến đầu tháng 8/2023, C chia số ma túy trên làm hai phần. Phần thứ nhất gồm: 01 túi nilon đựng 11 viên và ½ viên ma túy loại Methamphetamine, 02 túi nilon đựng các hạt tinh thể màu trắng loại ma túy Ketamine, cất giấu trong góc phòng vệ sinh và 01 túi nilon đựng các hạt tinh thể màu trắng loại ma túy Ketamine cất giấu trong nhà kho của mình. Phần thứ hai gồm: 05 túi nilon đựng 08 viên ma túy loại Methamphetamine và 02 túi nilon đựng ma túy dạng cục, hạt, bột loại Methamphetamine đưa vào căn hộ số 403 ở số nhà A T, tổ A, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng cất giấu tại vị trí phía sau ti vi treo trên tường phòng khách và trên la phong nhà vệ sinh với mục đích để sử dụng. Đến giữa tháng 8/2023, C có lấy một ít ma túy loại Ketamine đang cất giấu trong nhà đem ra sử dụng, sau khi sử dụng còn lại một ít C gói trong tờ tiền 5.000 đồng rồi cất giấu trong nhà.

Ngày 24/8/2023, C lấy 04 viên ma túy loại Methamphetamine, một phần ma túy loại Ketamine và một ít ma túy gói trong tờ tiền 5000 đồng đang cất giấu tại nhà bỏ vào trong 02 bao nilon màu trắng cất giấu vào túi quần mang trên người để sử dụng. Chiều cùng ngày, C điều khiển xe ô tô 74A-161.38 (thuộc sở hữu của vợ chồng C) chở Trần Thanh Q1 (sinh năm 1994, trú tại thôn L, xã T – là người thuê căn hộ S, C góp tiền ở chung) đi từ H vào căn hộ số 403 ở Đà Nẵng. Trên đường đi, Q1 gọi điện cho bạn gái là Nguyễn Thị T18 (sinh năm 1994, trú tại thôn C, xã T, huyện H) nhờ T18 mua cháo đưa đến căn hộ cho Q1 và C ăn tối. Khoảng 17 đến 18 giờ cùng ngày, T18, C và Q1 đến căn hộ 403. Khoảng 20 giờ cùng ngày, khi Q1 và T18 đang ngồi chơi tại phòng khách, C đi vào phòng ngủ đóng cửa lại rồi lấy 01 cái loa dạng hình cầu kích thước (17x20) cm, có đế sạc pin kèm theo từ trong túi xách ra bỏ trên bàn. Lúc này, trên bàn C đã để sẵn 01 đèn chiếu laze màu đen kích thước (21,5x15,5x8,5cm), 01 ống hút bằng nhựa màu đỏ kích thước (10x0,4) cm, 01 tờ tiền mệnh giá 1 USD và 01 chai dầu Phat L13. C ra phòng khách lấy trên kệ bếp 01 đĩa sứ màu trắng có đường kính 25cm đưa vào phòng ngủ rồi đóng cửa lại. C lấy trong túi quần ra một viên ma túy loại

Methamphetamine, bẻ viên ma túy làm 02 phần rồi nuốt 01 phần, 01 phần còn lại C bẻ ra thành 02 phần nhỏ rồi để ở trên bàn. C lấy số ma túy Ketamine gói trong tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng từ trong túi quần ra cất vào trong hộp giấy trên bàn. Tiếp đó, C lấy túi nilon chứa ma túy Ketamine ở trong túi quần ra và cho một phần ma túy này vào trong tờ tiền mệnh giá 1 USD, phần còn lại cất lại vào túi quần. C dùng bật lửa màu đỏ đốt giấy vệ sinh hơi nóng dưới đáy đĩa sứ, sau đó đổ ma túy Ketamine (trong tờ tiền mệnh giá 1 USD) vào đĩa sứ rồi dùng tờ tiền này “xào” mịn ma túy Ketamine và chia thành nhiều đường chỉ trên đĩa sứ. Khi chuẩn bị xong, C bật nhạc và đèn nháy lên rồi mở cửa đi ra ngoài phòng khách nói với Q1 và T18 “*hai đứa bây có chơi thì vào chơi*”. Q1 và T18 hiểu ý của C là vào sử dụng ma túy nên cùng đi vào phòng ngủ để sử dụng ma túy. Khi vào trong phòng, C nói với Q1 và T18 là “*kẹo (ma túy Methamphetamine) bỏ ở nơi bàn*”. Q1 và T18 lấy một người một phần ma túy Methamphetamine bỏ vào miệng rồi lấy nước uống. Sau đó, C, Q1 và T18 ngồi thành vòng tròn trên giường, đĩa sứ bỏ ở giữa. C cầm đĩa sứ trên tay phải, tay trái cầm ống hút rồi hít bằng đường mũi một đường chỉ ma túy Ketamine mà C đã chia sẵn trên đĩa sứ. Hít xong, C bỏ đĩa sứ và ống hút lại xuống giường. Tiếp đến, Q1 và T18 lần lượt lấy đĩa sứ và ống hút, hít bằng đường mũi đường chỉ ma túy Ketamine trên đĩa sứ, rồi bỏ đĩa sứ và ống hút lại chỗ cũ ở giường. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, C tiếp tục hít ma túy Ketamine rồi lấy tay đập vào vai Q1 (lúc này đang nằm trên giường) và nói “*chơi, chơi*” (tức là sử dụng ma túy). Q1 ngồi dậy, hít một đường chỉ ma túy Ketamine qua đường mũi, sau đó bỏ lại đĩa sứ và ống hút trên giường rồi nằm nghe nhạc tiếp. Đến khoảng 21 giờ 30 phút, T18 tự lấy đĩa sứ và ống hút đang để ở trên giường hít bằng đường mũi một đường chỉ ma túy Ketamine trên đĩa sứ rồi bỏ đĩa sứ và ống hút xuống giường. T18 ngồi xuống nền phòng ngủ, dựa lưng vào giường còn Q1 và C nằm trên giường ngủ. Đến khoảng 23 giờ, C nhờ T18 xuống mở khóa cổng để C đi quán Bar chơi. Q1 và T18 sợ mất tài sản của C đang để trong phòng ngủ nên rời phòng đi ra nằm ở ghế sofa tại phòng khách. Đến khoảng 01 giờ ngày 25/8/2023, C rời quán Bar T số 403 rồi liên lạc nhờ T18 xuống mở cổng để vào. Lúc này, do không quen sử dụng ma túy nên T18 vào phòng vệ sinh để nôn. C vào phòng ngủ thấy đĩa sứ và ống hút vẫn để trên giường, trên đĩa vẫn còn ma túy Ketamine nên C cầm đĩa sứ trên tay trái, tay phải cầm ống hút rồi hít bằng đường mũi một đường chỉ ma túy Ketamine trên đĩa sứ rồi gọi Q1 và T18 “*vô thả mà ngủ bây ơi*” (tức là vào sử dụng ma túy Ketamine trên đĩa để đi ngủ). Q1 đi vào phòng ngủ lên giường ngồi, một tay cầm đĩa sứ, một tay cầm ống hút hít một đường chỉ ma túy Ketamine vào đường mũi. T18 đi vào phòng ngủ nhưng không sử dụng ma túy nữa vì mới nôn xong. T18 và Q1 nằm trên giường nghe nhạc. Đến khoảng 03 giờ ngày 25/8/2023, C lấy đĩa sứ đem cất trên kệ bếp, vứt ống hút vào bao rác trong phòng ngủ. C nói với T18 “*dọn sơ đi mà đi ngủ*” thì T18 lấy bao rác

đưa ra bỏ bên cạnh cửa ra vào ở phòng khách, lấy đĩa sứ đang để trên kệ bếp rửa qua bằng nước lạnh rồi bỏ lại ở trên kệ. Sau đó C, Q1 và T18 đi ngủ. Đến khoảng 9 giờ ngày 25/8/2023, C vừa ra khỏi cửa căn hộ số 403 thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q thi hành Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, khám xét người của C và khám xét khẩn cấp chỗ ở tại căn hộ D, nhà ở của C, phát hiện, thu giữ, tạm giữ số ma túy và các đồ vật, tài liệu có liên quan.

Tiến hành xét nghiệm bằng biện pháp cảm que thử nhanh chất ma túy trong dung dịch nước tiểu của C, Q1 và T18, kết quả: Trong dung dịch nước tiểu của C có chất ma túy loại Ketamine và Methamphetamine; của Trần Thanh Q1 có chất ma túy thuộc nhóm ATS (Methamphetamine, Amphetamine và MDMA); của Nguyễn Thị T18 có chất ma túy thuộc nhóm ATS (Methamphetamine, Amphetamine và MDMA).

Tại các Kết luận giám định số 874/KL ngày 07/9/2023, số 888/KL ngày 10/9/2023, số 913/KL ngày 10/9/2023, số 1229/KL ngày 08/12/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh Q đối với những tinh thể màu trắng, đồ vật, tài liệu, tiền, đường vân, kỹ thuật số điện tử thu giữ tại nhà ở của Nguyễn Phi C kết luận:

- Tìm thấy chất ma túy, loại Ketamine trên bề mặt các đồ vật được niêm phong trong phong bì giấy ghi ký hiệu “A” gửi đến giám định.
- Các tinh thể màu trắng trong gói niêm phong ký hiệu “B” và “E” có khối lượng 13,1281 g là túy loại Ketamine.
- 07 viên nén và ½ viên nén màu cam trong gói niêm phong ký hiệu “B” có khối lượng 3,6684 g là túy loại Methamphetamine.
- 01 dấu vết đường vân phát hiện trên mặt 01 túi nilon, đánh số 4 (được niêm phong trong phong bì giấy, ký hiệu “E” gửi đến giám định với đường vân ở ô Cái phải trên bản sao chỉ bản số 197321615, lập ngày 25/11/2010, ghi tên Nguyễn Phi C (sinh ngày 07/6/1990, nơi ĐKNKTT: xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị) là đường vân của cùng một người.
- Thẻ nhớ gắn trên Camera có ký hiệu “trong nhà” có chứa dữ liệu dung lượng 56,6 GB. Có chứa 09 tập tin, bên trong có các tập tin video dạng “.dav”. Không phát hiện dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa. Trích xuất dữ liệu hình ảnh có dung lượng 56,4 GB.
- Thẻ nhớ gắn trên Camera có ký hiệu “ngoài sân” có chứa dữ liệu dung lượng 56,2 GB. Có chứa 06 tập tin, bên trong có các tập tin video dạng “.dav”. Không phát hiện dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa. Trích xuất dữ liệu hình ảnh có dung lượng 55,9 GB.
- 750 tờ tiền in hình tiền Việt Nam, mệnh giá 500.000 VNĐ gửi đến giám định là tiền thật, do Ngân hàng N7 phát hành.

- 2297 tờ tiền in hình tiền Việt Nam, mệnh giá 200.000 VNĐ gửi đến giám định là tiền thật, do **Ngân hàng N7** phát hành.

Tại các Kết luận giám định số 895/KL ngày 13/9/2023, số 953/KL ngày 29/9/2023, 1024/KL ngày 20/10/2023, số 1242/KL ngày 13/12/2023 của **Phòng K2 Công an tỉnh Q** đối với tinh thể, viên nén, chất bột, đồ vật, tài liệu, đường vân, tiền thu giữ trên người và tại căn hộ số 403, **số nhà A T, tổ A, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng** kết luận:

- Chất tinh thể màu trắng trong gói niêm phong ký hiệu “C3” có khối lượng 9,9401g là ma túy loại Ketamine.

- Các viên nén màu gạch trong gói niêm phong ký hiệu “C4” có khối lượng 1,4947g là túy loại Methamphetamine.

- Chất bột màu trắng trong gói niêm phong ký hiệu “MT1” có khối lượng 0,1488g là túy loại Ketamine.

- Các viên nén và chất màu xanh dạng cục, hạt, bột trong gói niêm phong ký hiệu “MT2” và “MT3” có tổng khối lượng: 10,5884g là túy loại Methamphetamine.

- Tìm thấy chất ma túy loại Ketamine trên bề mặt 01 cái đĩa sứ màu trắng; 01 ống hút nhựa màu đỏ.

- Dấu vết đường vân (ký hiệu số 01) phát hiện trên mặt đĩa sứ gửi đến giám định với đường vân in ở ô Cái phải trên chỉ bản ghi tên **Trần Thanh Q1** là đường vân của cùng một người in ra.

- 04 tờ tiền in mệnh giá 500.000 đồng; 94 tờ tiền in mệnh giá 200.000 đồng; 01 tờ tiền in mệnh giá 5.000 đồng; 01 tờ tiền in mệnh giá 10 USD; 02 tờ tiền in mệnh giá 1 USD gửi đến giám định là tiền thật.

6. Đối với hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy.

Vào lúc 20 giờ ngày 13/02/2023, Tổ công tác thuộc **Công an huyện C** phát hiện **Phạm Công Đ** và **Lê Văn S** di chuyển trên xe ô tô mang biển kiểm soát 74A-175.20 hướng từ **thị trấn C về thành phố Đ trên đường Q** có nhiều biểu hiện nghi vấn nên đã tiến hành theo dõi để kiểm tra. Khoảng 21 giờ 45 phút cùng ngày, khi xe ô tô đến đoạn đường nhựa dân sinh ngay phía dưới khu vực phía Bắc của cầu vượt đường sắt tại Km 789+560 **Quốc lộ A (thuộc tổ I, thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị)**, Tổ công tác phát hiện **Đ** và **S** đang dừng xe và lấy 01 (một) túi xách màu xanh đen nằm ở bãi cỏ bên đường nên tiến hành bắt giữ. Kiểm tra bên trong túi xách màu xanh đen có 07 (bảy) gói chất rắn màu trắng, nghi là ma túy tổng hợp. Đồng thời, mở rộng hiện trường về phía Bắc 130m, **Đ** đã giao nộp cho Tổ công tác 01 (một) túi xách màu đỏ đen chứa 03 (ba) gói chất rắn màu trắng,

nghi là ma túy tổng hợp. Tổ Công tác đã tiến hành lập biên bản Bắt người phạm tội quả tang đối với **Phạm Công Đ** và **Lê Văn S** và tạm giữ tang vật liên quan.

Quá trình điều tra vụ án, có căn cứ xác định: **Lê Văn S** và **Nguyễn Quốc Q** có mối quan hệ bạn bè, từng học chung lớp 10 tại trường THPT T26, huyện C, tỉnh Quảng Trị. Vào lúc 13 giờ 46 phút ngày 12/02/2023, **Q** sử dụng tài khoản Zalo mang tên “**Đặng Phương T24**” (được đăng ký bằng số điện thoại 0813010725) trao đổi với **S** qua tài khoản Zalo của **S** mang tên “**Phiêu Bạt**” (được đăng ký bằng số điện thoại 0389197466) với nội dung: “*Tôi hôm nay hoặc tối ngày mai thì có hàng về, có ai nhận không, nếu có thì gửi số điện thoại liên lạc qua, tầm 10 cục*”. Nghe **Q** trao đổi, **S** hiểu được: “Hàng” chính là ma túy, 01 “cục” tương ứng với 01 kg; Nếu **S** tìm được người trực tiếp vận chuyển số ma túy trên vào thành phố Hồ Chí Minh thì gửi số điện thoại người này cho **Q** để phục vụ cho hoạt động vận chuyển ma túy. **S** đồng ý với đề nghị của **Q**. Ngay sau đó, **S** sử dụng số điện thoại 0848704203 gọi đến số 0849542706 mà **Phạm Công Đ** đang sử dụng và trao đổi: “*có 10kg đi không ?*”. **Đ** biết việc **S** đang đề nghị Định trực tiếp vận chuyển 10 kg ma túy vào thành phố Hồ Chí Minh. Do muốn cùng **Trần Lê Duy T1** trực tiếp vận chuyển số ma túy trên, **Đ** đã trả lời **S** “*Chờ em hỏi thằng ni coi có đi không đã*”. **Đ** đã trao đổi lại vấn đề này với **T1** và được **T1** đồng ý. Đồng thời, **Đ** còn đề nghị **T1** mua 01 sim điện thoại không chính chủ, 01 điện thoại di động mới (sau khi mua thì gắn sim vào điện thoại để liên lạc nhằm thông báo số) và 01 vali để phục vụ cho việc vận chuyển ma túy. Theo đề nghị của **Đ**, **T1** đã đến quán Đ2 trước cổng chợ N8 thuộc xã T, huyện C để mua 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen và 01 sim điện thoại số 0962450963. Sau đó, **T1** tiếp tục đến quán T27” tại khu vực Ngã tư Sông để mua 01 cái vali rồi đi phía sau cốp xe ô tô mang biển kiểm soát 74A-143.23 của **T1**. Sau khi hoàn thành việc mua các đồ vật cần thiết phục vụ cho hoạt động vận chuyển trái phép chất ma túy, **T1** đã sử dụng điện thoại (gắn sim số 0962450963) liên lạc với **Đ** để thông báo theo đúng yêu cầu của **Đ**.

Sau khi **T1** đồng ý về việc vận chuyển ma túy, **Đ** liên lạc với **S** nhận lời vận chuyển 10 kg ma túy cho **S**. Sau quá trình trao đổi, **S** và **Đ** thống nhất: số điện thoại 0849542706 sẽ được cung cấp cho người giao ma túy để người này liên lạc với **Đ** giao, nhận ma túy vào đêm ngày 12/02/2023. Ngay sau đó, vào lúc 15 giờ 30 phút cùng ngày, **S** sử dụng tài khoản Zalo mang tên “**Phiêu Bạt**” nhắn tin (gửi số điện thoại của **Đ** 0849542706) đến tài khoản Zalo mang tên “**Đặng Phương T24**” của **Q**. Sau khi nhắn thành công, **Q** đã ghi lại số điện thoại thì **S** thực hiện thao tác thu hồi tin nhắn.

Vào lúc 22 giờ 04 phút ngày 12/02/2022, khi **Đ** đang ở cây xăng dầu C, huyện C thì có một người đàn ông liên lạc từ số điện thoại 0824149859 đến số

0849542706 mà Đ đang sử dụng, trao đổi: “*mô rồi, đồ về gần tới rồi*”. Đ trả lời “*đang ở C*”, người này nói với Đ: “*lên Đ*”. Đ biết ma túy đang vận chuyển về C và điểm hẹn để giao ma túy là cầu Đ. Đ liên lạc với T1, đề nghị T1 đến đón mình để đi nhận ma túy, T1 đồng ý. Khoảng gần 15 phút sau, T1 điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 74A-143.23 đến đón Đ tại cây xăng C5 sau đó di chuyển theo Quốc lộ I hướng từ C đi L. Trên đường đi, người giao ma túy tiếp tục sử dụng số điện thoại 0824149859 liên lạc vào số 0849542706 của Đ, đồng thời cung cấp vị trí nhận ma túy là tại “*đầu cầu bên trái*” của Cầu Đ, huyện C. Khi đến khu vực cầu Đ, Đ và anh T1 đã phát hiện thấy một gói khối hộp chữ nhật được quấn băng keo bên ngoài đặt ở lề đường bên trái. Biết được khối hộp trên là ma túy do người đàn ông vừa điện thoại giao nên T1 chạy xe qua khỏi cầu Đ, quay xe lại và điều khiển xe di chuyển sát bên cạnh gói ma túy. Đ mở cửa, bước xuống xe, dùng hai tay bung gói ma túy đặt vào sàn xe ở ghế phụ phía trước bên phải; sau đó lên xe để di chuyển về hướng cây xăng C. Sau khi giao nhận ma túy thành công, Đ đã thông báo kết quả đến S thông qua tin nhắn của ứng dụng mạng xã hội Zalo. Khi T1 điều khiển xe ô tô đến cây xăng chợ C5 thì Đ xuống xe, T1 tiếp tục điều khiển xe chở số ma túy trên về nhà T1 để cất giấu. Về đến nhà, T1 lấy số ma túy vừa nhận cất giấu vào cốp phía sau xe ô tô.

Vào lúc 8 giờ 23 phút ngày 13/02/2023, Q dùng tài khoản Zalo mang tên “**Đăng Phương T24**” nhắn tin đến tài khoản Zalo “**Phiêu Bạt**” của S với nội dung: “*Đy đy*”. Truyền đạt thông tin từ Q, S đã dùng tài khoản Zalo nói trên nhắn ngay đến tài khoản Zalo “**Emteen**” của Đ với nội dung “*Đi luôn đi*”. Đ nhận thức được S đang đề nghị Định vận chuyển ma túy nói trên vào thành phố Hồ Chí Minh ngay. Tuy nhiên, do Đ đang vận chuyển gỗ Tràm trong rừng nên đã đề nghị S sẽ vận chuyển số ma túy trên vào buổi trưa cùng ngày. S đồng ý. Q tiếp tục thông qua tài khoản Zalo “**Đăng Phương T24**” yêu cầu S phải chia số ma túy trên thành hai phần, mỗi bên 05 gói ma túy để tiến hành vận chuyển. Thực hiện yêu cầu của Q, S đã đề nghị Định chia số ma túy trên theo đúng tỷ lệ 5:5. Nhận được thông tin từ S, Định đề nghị T1 mua thêm một ba lô và chia số ma túy trên theo đúng tỷ lệ như trên. T1 trở lại quán “**Thanh H8**” trả lại cái va ly đã mua vào đêm ngày 12/02/2023 và mua 02 cái ba lô (01 cái màu đỏ đen, 01 cái màu đen xanh nhãn hiệu Northface, có 02 quai đeo sau lưng). Sau khi mua xong, T1 trở về nhà, đưa số ma túy được cất giấu trong cốp xe ô tô đến hàng ghế sau xe, sau đó dùng chìa khóa xe ô tô rạch băng keo quấn quanh gói ma túy để tiến hành chia ma túy theo yêu cầu của Đ. Quá trình mở gói chứa ma túy, T1 phát hiện bên trong có 10 gói nilon màu xanh - trắng (được xếp thành 2 lớp chồng lên nhau, mỗi lớp có 5 gói). Ngay tại hàng ghế sau, T1 đã cất giấu số ma túy trên vào trong 02 balo, mỗi ba lô chứa 5 gói ma túy. T1 tiếp tục đưa 02 balo chứa ma túy nói trên vào phòng ngủ

của T1 và lấy áo quần cũ bỏ lên trên các gói ma túy để che đậy. Khoảng thời gian này, Q tiếp tục thông qua tài khoản Zalo “**Đăng Phương T24**” chỉ đạo S phải chia lại số ma túy trên thành hai phần, một bên 07 gói, một bên 03 gói ma túy để tiến hành vận chuyển. S đã truyền đạt yêu cầu của Q cho Đ và Đ tiếp tục đề nghị T1 chia lại theo đúng tỷ lệ 7:3 (một ba lô 7 gói và một ba lô 3 gói). Nhận được thông tin trên từ Đ, T1 đã sắp xếp các gói ma túy nói trên vào 02 ba lô (một ba lô 07 gói ma túy và một ba lô 03 gói ma túy) và bỏ áo quần cũ vào 02 ba lô trên để che đậy. Sau đó, T1 mang 02 ba lô chứa ma túy trên cất giữ trong cốp xe ô tô Thịnh đang đậu tại khu vực trước nhà.

Vào lúc 14 giờ 05 phút ngày 13/02/2023, T1 và Đ liên lạc thống nhất địa điểm gặp nhau để sau đó cùng thực hiện hành vi vận chuyển số ma túy trên vào thành phố Hồ Chí Minh. Khi chuẩn bị xuất phát, T1 mở cốp xe ô tô lấy 02 ba lô bên trong chứa ma túy đặt trên sàn ghế phụ phía trước bên phải xe ô tô 74A-143.23 rồi điều khiển xe đến địa điểm hẹn. Tuy nhiên, do lo sợ cơ quan chức năng, T1 đã thay đổi địa điểm gặp nhau, đề nghị Định di chuyển đến ngã ba L, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Đ đồng ý nên cả hai đã gặp nhau tại khu vực gần cây xăng không còn hoạt động kinh doanh tại khu vực xã H và H, huyện H. Tại đây, Đ mở cửa và lên ngồi ở ghế phụ phía trước bên phải của xe ô tô, dưới chân Đ là 02 ba lô chứa ma túy do T1 đã để sẵn trước đó. Sau đó, T1 lái xe đi theo Quốc lộ A hướng vào N. Khi xe đi được khoảng 05 km, phát hiện bị một xe ô tô của lực lượng Cảnh sát giao thông ra hiệu lệnh dừng xe nên T1 đã tăng tốc bỏ chạy. Khi chạy đến gần cầu vượt đường S thuộc huyện H, Đ đã gọi điện qua ứng dụng Zalo với S để thông báo việc bị lực lượng Công an truy đuổi. Đ và S đã thống nhất phải ném số ma túy trên ra khỏi xe ô tô và Đ phải ghi nhớ vị trí đã ném ma túy. Khi xe ô tô di chuyển đến đường nhựa dân sinh phía Bắc dưới cầu vượt đường sắt thuộc thôn M, xã H, huyện H, Đ đã ném hai ba lô chứa ma túy trên vào hai vị trí khác nhau tại khu vực cây cối bên phải đường. Sau đó, T1 điều khiển xe ô tô chở Đ đi vào khu vực rừng trà soát đó nhằm trốn tránh lực lượng chức năng. Khoảng 30 phút sau, thấy không bị lực lượng chức năng phát hiện, T1 và Đ đã cùng nhau rời khỏi rừng trà soát. T1 điều khiển xe ô tô về nhà của mình, Đ đón xe khách để đi từ H lên quán Bì da “Huỳnh đệ” tại huyện C. Tại quán B, Đ liên lạc qua ứng dụng Zalo với S để gặp nhau trao đổi về số ma túy đã được vớt bên đường trong quá trình bị truy đuổi. S liên lạc và nhắn tin qua ứng dụng zalo để thông báo cho Q biết việc người của S bị công an truy đuổi và vớt số ma túy bên đường. Q nhắn tin yêu cầu S phải tìm được số ma túy đó để vận chuyển vào thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi biết vị trí hiện tại của Đ, S điều khiển xe ô tô mang biển kiểm soát 74A-175.20 đến quán bì da “Huỳnh Đệ” và chở Đ đi vào H để tìm lại số ma túy nói trên nhằm tiếp tục thực hiện việc vận chuyển ma túy. Khi đến đầu cầu P, S

điều khiển xe di chuyển vào đường dưới gầm cầu và chạy một vòng để kiểm tra về sự có mặt của lực lượng Công an. Sau khi nhận định không có lực lượng chức năng, **S** và **Đ** quay lại đoạn đường nơi **Đ** đã ném chiếc ba lô màu xanh đen có chứa 07 gói ma túy. Khi **S** và **Đ** đang lấy chiếc ba lô có chứa ma túy nói trên từ khu vực bãi cỏ thì bị lực lượng Công an khống chế, bắt quả tang. Sau khi lực lượng Công an lập biên bản, thu giữ, niêm phong tang vật; **Đ** đã khai nhận vị trí ném chiếc ba lô màu đỏ đen chứa 03 gói ma túy còn lại và dẫn lực lượng Công an đến thu giữ chiếc ba lô cùng các tang vật có liên quan.

Ngày 20/02/2023, **Phòng K2** Công an tỉnh có Kết luận giám định số 225/KL-KTHS kết luận:

- Chất rắn màu trắng dạng tinh thể được niêm phong trong thùng giấy ký hiệu MTQT gửi đến giám định có khối lượng 7.004,81g (Bảy nghìn không trăm linh bốn phẩy tám một gam) là ma túy loại Ketamine.

- Chất rắn màu trắng dạng tinh thể được niêm phong trong thùng giấy ký hiệu MTGN gửi đến giám định có khối lượng 3.001,76g (Ba nghìn không trăm linh một phẩy bảy sáu gam) là ma túy loại Ketamine.

** Về xử lý vật chứng, tài sản:* Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về hành vi: “Vận chuyển trái phép chất ma túy”:

- Tịch thu tiêu huỷ: Ma túy; bao gói, băng keo; quần, áo; ba lô: Trong các hộp niêm phong ký hiệu MTQT; MTGN; BGGN-SGD; AQ1; BL1; BLGN; 02 thẻ sim điện thoại di động **V2**; 01 thẻ sim Mobifone; 01 dao dài 21,5 cm: Trong các bì niêm phong ký hiệu SĐTĐ; PS3A 002647; NS2 2018882; Bảo hiểm tự nguyện dân sự số 893406188141 /EOTOBB.10, chủ xe: **Lê Văn S**, địa chỉ: **T, C, C, Quảng Trị**. Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe ô tô số 2203224199. Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe ô tô số GCNBH: 22TN 220065703 do **Công ty cổ phần B1** cấp; Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô số GCNBH: 22BB 220030664 do **Công ty cổ phần B1** cấp; Thẻ sim Viettel 4G, bên trên có viết bằng mực đỏ dòng số 962.450.963; không còn sim gắn trên thẻ, mã số: 8984048000914158446,

- Tịch thu sung công:

- + Các điện thoại di động: SAMSUNG A52s; NOKIA màu đen; IPHONE 13 PROMAX, số thuê bao 0962226282; Iphone 11 Pro Max, màu đen, số thuê bao 0941454737; Nokia, số 0962450963; Iphone 14 Pro Max số thuê bao 0389271123 và 0848174999; IPHONE 12, số thuê bao 0848704203: Trong các phong bì niêm phong, bên ngoài có in dòng chữ “CÔNG AN TỈNH QUẢNG TRỊ PHÒNG PC09”

+ 06 tờ giấy bạc mệnh giá 500.000 đồng; 07 tờ giấy bạc mệnh giá 200.000 đồng; 64 tờ giấy bạc mệnh giá 100.000 đồng; 202 tờ giấy bạc mệnh giá 50.000 đồng; Trong túi niêm phong chuyên dụng PS3 có mã số 215309.

+ Xe ô tô BKS 74A-175.20 và giấy tờ kèm theo, nhãn hiệu MG, màu sơn trắng, loại xe 05 chỗ ngồi, số máy: 15S4CCTTN2070002, số khung: MMLW74U48NG013478, xe đã qua sử dụng; Xe ô tô BKS 74A-143.23 và giấy tờ kèm theo; nhãn hiệu HUYNDAI, màu trắng, số loại ACCENT 1.4 MT BASE PE. Số máy: G4LCLF22365, Số khung: RLUA641BAMN056705, năm sản xuất: 2021, xe đã qua sử dụng. Kèm theo 01 chìa khoá của xe ô tô nói trên.

- Trả lại cho bị cáo **T1**: Giấy phép lái xe mang tên **TRẦN LÊ DUY T1**, sinh ngày: 06/3/1997, số: 460155885549, có giá trị đến ngày 27/12/2025, do **Sở G1** cấp.

Về hành vi: “Bắt giữ người trái pháp luật; cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự; tàng trữ, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; cưỡng đoạt tài sản, đe dọa giết người”

- Tịch thu sung công:

+ Điện thoại di động Iphone 14 **Pro M**, vỏ màu tím; số máy: MQ9T3VN/A, số seri: KJXPDW5CVW, IMEI: 358686325109449, IMEI 2: 358686325519290. Bên trong có gắn 01 sim Vinaphone có số seri của sim là: 89840200011486942079, điện thoại đã qua sử dụng (của **Q** - được niêm phong trong túi niêm phong PS1 2108661).

+ Điện thoại di động Iphone 14 Pro Max, mặt sau và viền màu vàng, mặt sau có dòng chữ “NGUYỄN QUÂN SOLARIS”, số máy: MQ8A3ZA/A, số seri: QT7JWV9DCW, IMEI: 350439473263883, IMEI 2: 350439473173132. Bên trong có gắn 01 sim Vinaphone có thuê bao 0823.219.999, số seri trên sim là: 89840200011438164814, đã qua sử dụng). (của **Q**- được niêm phong trong túi niêm phong PS1 2108662).

+ 01 tờ giấy bạc mệnh giá 5000 đồng, số sê ri PS 9223663; 01 tờ tiền nước ngoài, số sê ri G51450814D; Trong gói niêm phong ký hiệu: “BGKL 1008” 01 (một) tờ polyme mệnh giá 10.000 đồng (không xác định chủ sở hữu) trong túi niêm phong có mã số PS2 043979.

+ 01 Loa hình cầu, đế bằng và có đế sạc pin kèm theo, trên bề mặt có chữ “DEVIALET”, KT (17x20)cm, đã qua sử dụng; 01 Đèn chiếu laser màu đen, dạng hình hộp kim loại, trên bề mặt có ghi “Model MP777.V2”, KT (21x17x9,5cm), đã qua sử dụng.

+ Điện thoại di động Iphone 14 Promax màu tím. Số máy: MQ9T3VN/A. Số seri: M0Y6H6FDK2. Máy đã qua sử dụng và ĐTDĐ Iphone 11 màu trắng. Số

máy: NWKN2LL/A. Số seri: DX3DL2YLN72K. Máy đã qua sử dụng (được niêm phong trong gói niêm phong ký hiệu C1; C2).

+ Xe ô tô 74C-113.93, hiệu TOYOTA HILUX; xe ô tô 74A-222.22; hiệu Porsche và giấy tờ kèm theo (Tài sản chung của N1, Q mua lại của ông N ngày 26/6/2023 chưa sang tên)

- Trả lại cho bị cáo C:

+ 01 tờ tiền nước ngoài mệnh giá 10 USD; 02 tờ tiền nước ngoài mệnh giá 1 USD của C (được niêm phong trong gói niêm phong ký hiệu TĐ-CUỜNG).

+ Số tiền 834.400.000 đồng, Quảng Trị; 02 bộ camera nhãn hiệu IMOU, bao gồm thẻ nhớ, đã qua sử dụng trong gói niêm phong ký hiệu BGKL 913.

+ Xe ô tô BKS 74C-161.38 và giấy tờ kèm theo, nhãn hiệu KIA, số loại: SELTOS, số khung: RNYED51D7MC236552, số máy: G4LDMD115493, đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Q:

+ Số tiền 1.232.726.000 đồng thu giữ khi khám xét khẩn cấp chỗ ở và thu giữ trên người của Q; 86.150.000 đồng thu giữ khi khám xét khẩn cấp tại 50 L.

+ Xe ô tô 74A-199.99 và giấy tờ kèm theo, màu trắng, nhãn hiệu Mercedes-Benz, số loại: GLS 450 4Matic 167959, số máy: 25693030339310, số khung: W1N1679591A494198 của Q.

+ Khóa xe ô tô nhãn hiệu Mercedes, màu đen đã qua sử dụng, được bọc bên ngoài bằng 01 lớp vỏ nâu đen của Q.

+ 118 tờ giấy bạc mệnh giá 100 USD của Q (được niêm phong trong túi niêm phong QT-S có mã số PC01-147-240124-USD); 70 tờ giấy bạc mệnh giá 10.000 Kip (Mười ngàn Kip L14) và 12 tờ giấy bạc mệnh giá 20.000 Kip (Hai mươi ngàn Kip Lào) của Q (được niêm phong trong túi niêm phong QT-S có mã số PC01-147-240124-Kip).

- Trả lại bị cáo Q và chị N1: Các Hợp đồng vay tiền; Giấy biên nhận tiền; Giấy mượn tiền; Giấy CNQSDĐ và tài liệu kèm theo thu giữ tại: Nhà ở, xe ô tô 74A-199.99, số 50 L, do Q, N1 giao nộp.

- Trả lại cho bị cáo M1:

+ Điện thoại di động Iphone 7 Plus màu đen, được bọc ốp màu đen, mặt ngoài ốp có in dòng chữ “AUTO FOCUS”. Số seri: F2LSC3HHHFY7. Imei: 359153072795747. Mật khẩu: 555555. Máy đã qua sử dụng, bên trong gắn sim Viettel số seri trên sim: 898404800091976734;

+ Điện thoại di động Iphone 12 Pro Max màu xanh, được bọc ốp có in dòng chữ “HAPPY”. Số seri: F2LDQ8UY0D46. Imei: 357061220411129. Máy đã qua sử dụng, bên trong gắn sim Mobifone số seri trên sim: 8401200233242875.

- Trả lại cho bị cáo **T3**:

+ Số tiền 7.900.000 đồng;

+ Điện thoại di động NOKIA, số thuê bao 0943705946; kiểu máy: TA-1174, vỏ màu xanh, đã qua sử dụng;

+ Căn cước công dân mang tên **Đinh Văn T3**; Giấy phép lái xe mang tên **Đinh Văn T3**.

- Trả lại cho bị cáo **T7**: Điện thoại di động VIVO, số thuê bao + 84359483002; kiểu máy: Vivo V2111, vỏ màu xanh, đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy: Ma túy; bao gói; thẻ nhựa màu xanh; đầu lọc thuốc lá; đĩa sứ màu trắng; bật lửa; lọ dầu phật linh; ống hút: Trong các gói niêm phong ký hiệu PS2; PS3; BGKL

- Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án: Tạm giữ 15.000.000 đồng do bị cáo **Lê Thị L10** tự nguyện giao nộp để khắc phục hậu quả và 11 thẻ tiết kiệm tại **Ngân hàng S4** của **Q, N1**, tổng số tiền 12 tỷ đồng.

- Trả lại cho **Q, N1** các hợp đồng vay tiền, giấy biên nhận tiền, giấy mượn tiền, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài liệu thu giữ tại nhà ở, xe ô tô 74A-199.99, số 50 **Đinh Chiêu H9** do **Q, N1** nộp hiện đang lưu ở hồ sơ vụ án.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2024/HSST ngày 29/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo:

- Bị cáo **Nguyễn Quốc Q (tên gọi khác: Đ1)**, phạm các tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”, “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”, “*Cưỡng đoạt tài sản*”, “*Đe dọa giết người*”, “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

- Bị cáo **Lê Văn S, Phạm Công Đ (tên gọi khác: M)** và **Trần Lê Duy T1**, phạm tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”.

- Bị cáo **Hoàng Thái M1**, phạm các tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”, “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

- Bị cáo **Trần Hoài T7** và **Đinh Văn T3 (tên gọi khác: Cu)**, phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

2. Hình phạt đối với các bị cáo:

2.1 Hình phạt đối với bị cáo **Nguyễn Quốc Q (tên gọi khác: Đ1):**

- Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 250; khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 40, 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Quốc Q** (tên gọi khác: **Đ1**): **Tử hình** về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 58, 15, 57 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Quốc Q** (tên gọi khác: **Đ1**): **08 (tám) năm tù** về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Quốc Q** (tên gọi khác: **Đ1**): **04 (bốn) năm tù** về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 133; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Quốc Q** (tên gọi khác: **Đ1**): **01 (một) năm tù** về tội “*Đe dọa giết người*”.

- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Nguyễn Quốc Q** (tên gọi khác: **Đ1**) chấp hành hình phạt chung là: **Tử hình**.

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Quốc Q** (tên gọi khác: **Đ1**): **Số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng)** về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

2.2 Hình phạt đối với bị cáo Lê Văn S; Trần Lê Duy T1; Phạm Công Đ (tên gọi khác: **M**):

- Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 250; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 40, 58 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo **Lê Văn S**: **Tử hình** về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 40, 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Trần Lê Duy T1**: **Tử hình** về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 40, 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Phạm Công Đ** (tên gọi khác: **M**): **Tử hình** về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”.

2.3. Hình phạt đối với bị cáo Hoàng Thái M1:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 15, 17, 38, 57, 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Hoàng Thái M1**: **07 (bảy) năm tù** về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Hoàng Thái M1**: **02 (hai) năm tù** về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Hoàng Thái M1** chấp hành hình phạt chung là: **09 (chín)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/8/2023.

2.4. Hình phạt đối với bị cáo **Trần Hoài T7, Đinh Văn T3 (tên gọi khác: Cu) :**

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 170; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; các Điều 15, 17, 38, 57, 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Trần Hoài T7: 07 (bảy)** năm tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/11/2023.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 170; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; các Điều 15, 17, 38, 57, 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Đinh Văn T3** (tên gọi khác: Cu): **05 (năm)** năm tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/11/2023.

3. Trách nhiệm dân sự về tội “Cưỡng đoạt tài sản”: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 592 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo **Nguyễn Quốc Q** phải bồi thường tổn thất tinh thần cho bà **Nguyễn Thị Thanh T15** số tiền 18.400.000 đồng; bị cáo **Đinh Văn T3** phải bồi thường cho bà **T15** số tiền 5.000.000 đồng (bị cáo **T3** đã nộp đủ theo biên lai số 0000173 ngày 16/8/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị).

- Áp dụng khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021. Buộc bị cáo **Nguyễn Quốc Q** phải trả lại cho vợ chồng chị **Nguyễn Thị T10**, anh **Nguyễn Trường G** số tiền: **768.567.125 đồng**(*bảy trăm sáu mươi tám triệu năm trăm sáu mươi bảy ngàn một trăm hai mươi lăm đồng*)

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phân xử lý vật chứng, các biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/9/2024 các bị cáo kháng cáo xem xét lại bản án sơ thẩm.

- Bị cáo **Nguyễn Quốc Q** kháng cáo đề nghị xem xét lại bản án sơ thẩm và giảm nhẹ hình phạt với lý do: Về hành vi “Vận chuyển trái phép chất ma túy” bị cáo liên hệ với bị cáo **S** để đánh bài và vận chuyển pháo hoa còn **S** liên hệ với bị cáo **Đ, T1** vận chuyển ma túy bị cáo không biết. Bản thân bị cáo quá trình sinh sống tại địa phương luôn chấp hành tốt pháp luật; năm 2019 tham gia chống dịch Covid 19; tham gia ủng hộ xây dựng trường học cho trẻ nghèo trên địa bàn, tham gia nhiều hoạt động thiện nguyện; gia đình có truyền thống cách mạng (ông, bà nội và bố có nhiều thành tích).

- Bị cáo **Lê Văn S** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do: Mức án tử hình đối với bị cáo là quá nặng; quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo;

tích cực hợp tác với cơ quan điều tra nhanh chóng làm sáng tỏ người chủ mưu cầm đầu.

- Bị cáo **Phạm Công Đ** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do: Mức án tử hình đối với bị cáo là quá nặng, quá trình điều tra bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan điều tra phát hiện và điều tra tội phạm.

- Bị cáo **Trần Lê Duy T1** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do: Tội danh và mức án đã tuyên đối với bị cáo là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, chưa xem xét các tình tiết giảm nhẹ như bị cáo đã ăn năn hối cải và khai ra hành vi phạm tội của mình; sau khi vớt ma túy bị cáo **Đ** nhiều lần yêu cầu bị cáo quay lại lấy nhưng bị cáo không đi, tự nguyện chấm dứt hành vi của mình; tự thú hành vi của mình với cơ quan chức năng; hoàn cảnh gia đình khó khăn, bố mất sớm, mẹ già yếu, mới cưới vợ chưa có con.

- Bị cáo **Hoàng Thái M1** kháng cáo xin giảm nhẹ một phần hình phạt với lý do: Đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình có bố là người có công với cách mạng; bản thân bị cáo có thành tích cứu người đuối nước, gia đình hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình.

- Bị cáo **Trần Hoài T7** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do: Đối với hành vi “Cưỡng đoạt tài sản” bị cáo là người có vai trò thấp nhất, giúp sức; không có sự bàn bạc hay vụ lợi, không biết số tiền bị cáo **Q** đi đòi là bao nhiêu; bản thân bị cáo chỉ dán tờ giấy vào nhà bị hại; bị cáo là lao động duy nhất trong gia đình, vợ không có việc làm ổn định, 02 con còn nhỏ, mẹ già, bố bị bệnh, gia đình hộ cận nghèo; trước khi bị bắt bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách ở địa phương.

- Bị cáo **Đinh Văn T3** kháng cáo xin giảm nhẹ một phần hình phạt với lý do: Bị cáo là người giúp sức trong vụ án, đồng phạm với vai trò không đáng kể.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan **Ngân hàng TMCP V (V3)** kháng cáo về phần xử lý vật chứng: Đề nghị sửa bản án theo hướng giao vật chứng là 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Acent BKS 74A-143.23 cho ngân hàng để thu hồi nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan **Ngân hàng TMCP V** có đầy đủ nội dung theo thủ tục kháng cáo và nằm trong thời hạn kháng cáo nên đảm bảo hợp lệ.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo **Phạm Công Đ**, bị cáo **Trần Lê Duy T1** tự nguyện rút kháng cáo đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 342 và Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án hình sự đối với bị cáo bị cáo **Phạm Công Đ**, bị cáo **Trần Lê Duy T1**.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 71/2024/HSST ngày 29/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã xét xử bị cáo **Nguyễn Quốc Q** về các tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”, “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”, “*Cưỡng đoạt tài sản*”, “*Đe dọa giết người*”, “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo điểm e khoản 4 Điều 250, điểm a khoản 3 Điều 170, điểm đ khoản 2 Điều 157 khoản 1 Điều 133 và khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo mức án tử hình là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đối với bị cáo **Lê Văn S** bị xét xử về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” theo điểm e khoản 4 Điều 250 BLHS và mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng là tử hình là phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra. Đối với bị cáo **Hoàng Thái M1** bị xét xử về các tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”, “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 170 và điểm đ khoản 2 Điều 157 BLHS với mức hình phạt chung 09 năm tù là phù hợp. Đối với bị cáo **Trần Hoài T7** và **Đinh Văn T3** bị xét xử về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 170 BLHS và mức hình phạt lần lượt là 07 năm tù và 05 năm tù là tương xứng với vai trò của từng bị cáo trong vụ án. Đối với phần kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan **Ngân hàng TMCP V** thì vật chứng là 01 xe ô tô nhãn hiệu Huydai Acent BKS 74A-143.23 là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 BLTTHS không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan **Ngân hàng TMCP V** giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo **Phạm Công Đ**, bị cáo **Trần Lê Duy T1** tự nguyện rút kháng cáo căn cứ khoản 1 Điều 342 và Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án hình sự đối với bị cáo **Phạm Công Đ**, bị cáo **Trần Lê Duy T1**. Bị cáo **Nguyễn Quốc Q**, **Lê Văn S** đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt nhưng các bị cáo cho rằng không vận chuyển ma túy mà chỉ vận chuyển pháo.

Tại phiên tòa các bị cáo **Phạm Công Đ**, **Trần Lê Duy T1** thừa nhận: Ngày 13/02/2023, các bị cáo đã có hành vi vận chuyển trái phép 10.006,57 gam ma túy loại Ketamine theo chỉ đạo của bị cáo **Q**, **S** thì bị lực lượng chức năng bắt quả tang. Bị cáo **Lê Văn S** khai nhận tại quá trình điều tra và phiên tòa sơ thẩm **Q** là người chỉ đạo các bị cáo vận chuyển trái phép chất ma túy thông qua tin nhắn điện thoại. Lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm quy kết các bị cáo phạm tội “*Vận chuyển trái phép*”

chất ma túy” theo điểm e khoản 4 Điều 250 BLHS là có căn cứ, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Q, S cho rằng chỉ vận chuyển pháo là không đúng.

Ngoài ra, đối với bị cáo Nguyễn Quốc Q và các bị cáo Hoàng Thái M1, Trần Hoài T7 và Đinh Văn T3 còn thực hiện các hành vi đe dọa dùng vũ lực, uy hiếp tin thần nhằm mục đích đòi nợ bà T15 số tiền 300.000.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 170 BLHS là đúng với tính chất mức độ hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra.

Riêng đối với bị cáo Nguyễn Quốc Q, Hoàng Thái M1 và bị cáo C còn đồng phạm trong việc giả danh cán bộ Công an, đe dọa, ép buộc các anh Võ Viết L7, Cao Xuân T9 và Nguyễn Ngọc C2 lên xe ô tô 74A-120.32 đưa về nhà Q có hành vi chửi, đe dọa, đánh làm cho các bị hại không dám phản kháng nên đã phạm tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” với tình tiết định khung “*đối với 02 người trở lên*” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự.

Bản thân bị cáo Q còn nhiều lần cho 06 người vay tiền, với tổng số tiền cho vay là 13.938.567.125 đồng, lãi suất cao hơn gấp 05 lần mức lãi suất cao theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự và thực hiện hành vi đe dọa giết anh T13 và người nhà anh T13 (là cán bộ công an). Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa ra xét xử đối với bị cáo Q về các tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”, “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”, “*Cưỡng đoạt tài sản*”, “*Đe dọa giết người*”, “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” là có căn cứ đúng người đúng tội đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Quốc Q; Lê Văn S, Phạm Công Đ và Trần Lê Duy T1 thì thấy; Đây là vụ án có nhiều người tham gia thuộc trường hợp đồng phạm có tổ chức, thực hiện hành vi theo băng nhóm rất mạnh động, xâm hại nhiều lĩnh vực đời sống xã hội, coi thường pháp luật, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Trong vụ án này Nguyễn Quốc Q là người có tiền án, tiền sự với vai trò là người cầm đầu, chủ mưu, chỉ đạo các bị cáo khác thực hiện nhiều hành vi phạm tội, liên tục trong khoảng thời gian dài trên địa bàn của tỉnh Quảng trị, trong đó có tội vận chuyển trái phép chất ma túy với khối lượng 10.006,57 gam ma túy loại Ketamine thuộc trường hợp đặt biệt nghiêm trọng.

[2.1]. Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quốc Q thì thấy: Mặc dù bị cáo không thừa nhận chỉ đạo bị cáo S thực hiện hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy. Tuy nhiên, theo trích sao dữ liệu điện thoại và tài khoản zalo bị cáo xác định là của bị cáo, chỉ một mình bị cáo sử dụng. Nội dung trích xuất tin nhắn giữa bị cáo S và Q là phù hợp với hành vi vận chuyển, chia ma túy, và quá trình di chuyển của các bị cáo S, Đ, T1. Phù hợp với lời khai của bị cáo S. Do đó có đủ cơ sở để

xác định bị cáo là người chỉ đạo việc vận chuyển trái phép chất ma túy 13/2/2023. Ngoài hành vi nêu trên bị cáo còn thực hiện rất nhiều các hành vi phạm tội khác như “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”, “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”, “*Cưỡng đoạt tài sản*”, “*Đe dọa giết người*”, “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” Xét thấy; Tòa cấp sơ thẩm tổng hợp hình phạt xử bị cáo tử hình là có căn cứ đúng người đúng tội đúng pháp luật. không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Quốc Q.**

[2.2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo **Lê Văn S**, thì thấy: Bị cáo **S** mặc dù không có tiền án, tiền sự tuy nhiên bị cáo đều vận chuyển ma túy với khối lượng ma túy bị bắt quả tang ngày 13/2/2023 trên 10.006,57 kg Ketamine là rất lớn. Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nguy hiểm. Hành vi phạm tội của các bị cáo gây hoang mang trong dư luận quần chúng, thể hiện thái độ coi thường và thách thức pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới nên HĐXX không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo .

[2.3]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo **Hoàng Thái M1** thì thấy: bị cáo là người thực hiện hành vi tích cực theo sự chỉ đạo của bị cáo **Q**. Bị cáo phạm tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”, bị xử **02(hai)** năm tù về tội và 7 năm tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” là không nặng

[2.4] Đối với các bị cáo **Trần Hoài T7** và **Đinh Văn T3** là những người đi theo, a dua thực hiện hành vi theo chỉ đạo của bị cáo **Q** đi đòi nợ thuê cho bà **T15**; **T3** đi in ấn giấy đòi nợ; **T7** đến nhà bà **T15** để dán giấy đòi nợ cả hai bị cáo đều giữ vai trò thứ yếu. **Đinh Văn T3** là người có tiền án bị TAND huyện Hướng Hóa xử phạt 24 tháng tù, về tội “*Cố ý gây thương tích*” và một tiền sự, bị **Công an thành phố Đ**, tỉnh Quảng Trị xử phạt 6.500.000 đồng, về hành vi “*Cố ý gây thương tích*”. Bị cáo **T3** phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm tại điểm h Điều 52 BLHS. Tòa cấp sơ thẩm xử **T3** 5 năm tù; **Trần Hoài T25** là người có nhân thân tốt, gia đình hộ cận nghèo nhưng Cấp sơ thẩm xử 7 năm tù là không tương xứng chưa phân hóa đối tượng phạm tội và tính nguy hiểm, nhân thân người phạm tội. Tại phiên tòa hôm nay gia đình bị cáo khắc phục cho bị hại 5 triệu đồng nên áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 BLHS giảm nhẹ cho bị cáo.

[3]. Xét kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan **Ngân hàng TMCP V** thì thấy: Đối với 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI, biển kiểm soát: 74A-143.23. Xe đã qua sử dụng. Bị cáo **T1** đã thế chấp tại **Ngân hàng V1- Chi nhánh Q2** . Tuy nhiên, bị cáo đã sử dụng chiếc xe này để thực hiện hành vi phạm

tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Trường hợp có tranh chấp phát sinh thì Ngân hàng được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[5] Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo **Trần Hoài T7** không phải chịu án phí. Các bị cáo còn lại phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 342; Điều 348; điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án hình sự đối với bị cáo **Phạm Công Đ**, bị cáo **Trần Lê Duy T1**.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Nguyễn Quốc Q**, **Lê Văn S**, **Hoàng Thái M1**, **Đinh Văn T3** và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan **Ngân hàng TMCP V**.

Chấp nhận kháng cáo bị cáo **Trần Hoài T7** sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2024/HSST ngày 29/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị về phần hình phạt.

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Quốc Q** phạm tội: “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”, “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”, “*Cưỡng đoạt tài sản*”, “*Đe dọa giết người*”, “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

- Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 250; khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 40, 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Quốc Q** (tên gọi khác: **Đ1**): **Tử hình** về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 58, 15, 57 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Quốc Q** (tên gọi khác: **Đ1**): **08 (tám) năm tù** về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Quốc Q** (tên gọi khác: **Đ1**): **04 (bốn) năm tù** về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 133; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Quốc Q** (tên gọi khác: **Đ1**): **01 (một) năm tù** về tội “*Đe dọa giết người*”.

- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo **Nguyễn Quốc Q** chấp hành hình phạt chung các tội là: **Tử hình**.

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Quốc Quân S3** tiền **700.000.000 đồng** (bảy trăm triệu đồng) về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Tuyên bố các bị cáo **Lê Văn S, Phạm Công Đ, Trần Lê Duy T1** phạm tội: “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”.

2.1 Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 250; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 40, 58 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo **Lê Văn S: Tử hình**.

2.2 Tuyên bố bị cáo **Hoàng Thái M1** phạm tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”, “*Cưỡng đoạt tài sản*”

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 15, 17, 38, 57, 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Hoàng Thái M1: 07 (bảy) năm tù** về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Hoàng Thái M1: 02 (hai) năm tù** về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Hoàng Thái M1** chấp hành hình phạt chung là: **09 (chín) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/8/2023.

2.3. Tuyên bố bị cáo **Trần Hoài T7** và **Đinh Văn T3** phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 170; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; các Điều 15, 17, 38, 57, 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Đinh Văn T3 (tên gọi khác: Cu): 05 (năm) năm tù** về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/11/2023.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 170; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và các Điều 15, 17, 38, 57, 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Trần Hoài T7: 5 (năm) năm tù** về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/11/2023.

3. Về Xử lý vật chứng:

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, biển kiểm soát: 74A-143.23 của bị cáo **Trần Lê Duy T1**.

4. Án phí HSPT: Các bị cáo **Nguyễn Quốc Q, Lê Văn S, Hoàng Thái M1, Đinh Văn T3** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm. Riêng **Trần Hoài T7** không phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án. Riêng các bị cáo: **Nguyễn Quốc Q, Lê Văn S, Phạm Công Đ** và **Trần Lê Duy T1** trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay, có quyền gửi đơn xin ân giảm lên Chủ tịch nước theo quy định tại Điều 367 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao - Vụ GDKT I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV-CA tỉnh Quảng Trị;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Quảng Trị;
- Trại tạm giam công an tỉnh Quảng Trị;
- Bị cáo (qua Trại tạm giam);
- Lưu: HSVA; P.HCTP; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Phạm Tồn

